

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/ DS -ST

Ngày: 11/6/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng mua bán tài
sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Gia Phượng và ông Nguyễn Phúc Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Văn Tri – Kiểm sát viên

Ngày 11/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2024/TLST- DS ngày 26 tháng
3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 25a/2024/QĐST - DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thu T, sinh năm 1980 và anh Vũ Ngọc Q, sinh
năm 1980;

Đều có địa chỉ: Khu A, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Anh Q ủy quyền cho chị T, theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2024)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khu A, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có mặt; bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Dương Thị
Thu T và anh Vũ Ngọc Q (nguyên đơn) trình bày:*

Vợ chồng chị T, anh Q và bà Nguyễn Thị Thúy H là người cùng làng xóm.
Ngày 25/8/2023, chị T có cho bà H vay với số tiền 55.000.000đ. Trước đó bà H có
nợ gia đình chị T 1.300.000đ tiền mua nghệ. Tổng là nợ là 56.300.000 đồng (Năm
mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Ngày 26/12/2023, chị T, anh Q cho bà H vay tiếp số tiền 120.000.000đ. Tổng cả 02 lần vay, chị T và anh Q đã cho bà H vay số tiền là 170.000.000đ và tiền bán nghệ là 1.300.000đ. Các lần vay bà H đều ký nhận tại giấy vay tiền. Thời hạn vay thỏa thuận là 01 tháng thì sẽ trả. Mục đích vay là giải quyết công việc gia đình.

Ngày 26/01/2024 bà H đã trả được cho chị T, anh Q số tiền là 60.000.000đ, số nợ còn lại là 116.300.000đ. Từ đó đến nay chị T, anh Q đã đòi nhiều lần nhưng bà H không trả cho vợ chồng chị.

Nay chị T, anh Q đề nghị Tòa án buộc bà H phải trả cho anh chị toàn bộ số tiền nợ là 116.300.000đ trong đó tiền nợ khoản vay là 115.000.000đ, tiền mua nghệ là 1.300.000đ. Chị không yêu cầu tính lãi. Ngoài số tiền nợ gốc trên, bà H không còn nợ bất cứ số tiền nào khác.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thúy H (bị đơn) trình bày:

Năm 2020, bà H có vay của chị T, anh Q số tiền 20.000.000đ, với lãi suất 1.500đ/1 triệu/1 ngày. Đến năm 2021 bà vay vợ chồng chị T anh Q số tiền 40.000.000đ với lãi suất 1.500đ/1 triệu/1 ngày. Bà đã trả lãi thường xuyên, số gốc bà H chưa trả được. Ngày 11/5/2022, bà lại vay tiếp anh chị T, Q số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày (Các giấy vay nợ này chị T không đưa cho bà nên bà không có nộp cho Tòa án).

Ngày 25/8/2023 bà H có viết giấy nhận vay của chị T số tiền 56.300.000 đồng, số tiền này là tiền lãi hàng tháng tiền còn thiếu đối với số tiền gốc 120.000.000đ qua 03 lần vay. Chữ ký và chữ viết trong giấy biên nhận đúng là chữ ký của bà H.

Ngày 26/12/2023, bà có viết giấy biên nhận số tiền nợ gốc là 120.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng với lãi suất chia làm 02 mức khác nhau. Số tiền 60.000.000đ có lãi là 1.500đ/1/triệu/1 ngày và 60.000.000đ có lãi là 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Chữ ký và chữ viết trong giấy biên nhận đúng là chữ ký của bà.

Tổng cộng, bà H trình bày vay của anh chị T, Q là 120.000.000đ tiền gốc. Bà đã trả được số tiền nợ gốc là 60.000.000đ. Đến nay bà H xác định, bà còn nợ lại là 60.000.000đ nợ gốc và nợ tiền lãi là 56.300.000đ. Tổng số tiền bà H còn nợ anh chị T, Q đến nay là 116.300.000đ.

Tại lời khai ngày 03/5/2024 (BL 39), bà H trình bày khoản tiền 56.300.000đ là bao gồm tiền lãi của các khoản vay là 55.000.000đ và tiền bà mua nghệ của chị T chưa thanh toán là 1.300.000đ.

Nay vợ chồng T, Q khởi kiện yêu cầu bà phải trả toàn bộ số nợ trên, bà xin được trả dần mỗi tháng trả cho chị T từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ vì bà có hoàn cảnh khó khăn, bà H xin được miễn tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463; 465; Điều 466; Điều 468; 470; 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc Q và chị Dương Thị Thu T yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H trả khoản nợ.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải trả cho chị Dương Thị Thu T và anh Vũ Ngọc Q số tiền nợ là 116.300.000đ trong đó có 115.000.000đ tiền vay và 1.300.000đ tiền nghệ chưa thanh toán.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Về quan hệ tranh chấp: Chị Dương Thị Thu T và anh Vũ Ngọc Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H phải trả số tiền đã vay của 115.000.000đ và tiền mua nghệ chưa thanh toán là 1.300.000đ. Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy H (bị đơn) vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà H là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của chị T, anh Q yêu cầu bà H trả nợ khoản tiền 116.300.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về khoản tiền vay: Chị T và bà H đều thống nhất thừa nhận, từ năm 2020 đến năm 2022, bà H đã vay của chị T, anh Q nhiều lần với tổng số tiền nợ là 120.000.000đ. Số tiền nợ này đã được hai bên tổng hợp và chốt nợ ngày 26/12/2023.

Ngoài ra, chị T và anh Q còn trình bày và xuất trình giấy vay nợ xác định, ngày 25/8/2023 bà H vay của chị T Q số tiền 56.300.000 đồng, Khoản tiền này chị T cho rằng bà H vay 55.000.000đ tiền mặt và mua nợ của gia đình chị 1.300.000đ tiền nghệ. Bà H cho rằng, số tiền 1.300.000đ là tiền mua nghệ chưa thanh toán, còn lại là khoản tiền nợ lãi (lãi cao) của các khoản vay trước đây, do bà chưa trả cho chị T tiền lãi nên hai bên đã thống nhất tổng nợ lãi và bà đã viết thành giấy biên nhận. Chị T và anh Q đều không thừa nhận khoản nợ này là nợ lãi mà cho rằng đây là khoản tiền anh chị đã cho bà H vay và tiền mua nghệ chưa thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có quyết định yêu cầu bà H cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh khoản tiền 55.000.000đ là khoản tiền lãi cộng dồn của bà H nợ chị T anh Q (lãi cao) nhưng bà H đã khẳng định không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Bà H thừa nhận giấy vay tiền đối với khoản tiền 56.300.000đ là do bà viết.

Vì vậy, cần phải xác định bà H có vay tiền của chị Dương Thị Thu T và anh Vũ Ngọc Q tổng số tiền tại giấy biên nhận ngày 25/8/2023 và giấy biên nhận ngày 26/12/2023 là 175.000.000đ và tiền bà H mua nghệ chưa thanh toán là 1.300.000đ. Các bên đã thống nhất trình bày, ngày 26/01/2024 bà H đã trả cho chị T số tiền là 60.000.000đ, số nợ còn lại là 116.300.000đ. Vì vậy, buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho chị T, anh Q số tiền nợ còn lại là phù hợp

[2.2]. Đối với đề nghị của bà H được trả nợ dần: Tại giấy biên nhận ngày 25/8/2023 có thỏa thuận hết tháng 12 sẽ trả khoản nợ. Mặc dù khoản vay này các bên không thỏa thuận rõ ràng về thời hạn cụ thể, chính xác ngày tháng năm nào thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên bên vay có quyền đòi lại tài sản. Chị T, anh Q đã có yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không thực hiện; Tại giấy biên nhận ngày 26/12/2023 có thỏa thuận sau 01 tháng sẽ trả khoản nợ. Có thể thấy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà xin được trả nợ dần hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ đến 3.000.000đ nhưng chị T và anh Q không đồng ý. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của bà H xin được trả nợ dần hàng tháng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị T, anh Q được chấp nhận nên bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357; 430; 431, 433, 434, 440; 463; 465; Điều 466; Điều 468; 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thu T và anh Vũ Ngọc Q yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H trả khoản nợ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải trả cho chị Dương Thị Thu T và anh Vũ Ngọc Q số tiền nợ còn lại là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng chẵn) khoản nợ vay và 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền mua nghệ chưa thanh toán, tổng cộng là 116.300.000đ (Một trăm mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng chẵn) (theo giấy biên nhận ngày 25/8/2023 và giấy biên nhận ngày 26/12/2023)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 5.815.000đ (Năm triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí.

Chị Dương Thị Thu T và anh Vũ Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị T và anh Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng chẵn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0001626 ngày 22/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh, huyện;

- Đương sự;

- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;

- Lưu HS

- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Thanh Loan